

Qua theo dõi, nhiều địa phương (Hà Tĩnh, Bình Thuận, TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đắk Nông...) đã có văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện Công văn nêu trên của Bộ Tư pháp, góp phần bảo đảm ổn định hoạt động công chứng, chứng thực. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tổng hợp tình hình triển khai thực hiện ở các địa phương để tiếp tục có hướng dẫn cụ thể, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

3. Cử tri tỉnh Long An: Đề nghị cho phép người dân được chủ động lựa chọn hình thức chứng thực hợp đồng dân sự, trong đó có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn hay công chứng tại các Văn phòng công chứng.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Luật đất đai năm 2013 quy định một số hợp đồng, văn bản được công chứng hoặc chứng thực theo yêu cầu của các bên và một số hợp đồng, văn bản phải được công chứng hoặc chứng thực. Như vậy, theo quy định hiện hành người dân có quyền lựa chọn công chứng tại tổ chức hành nghề công chứng (Phòng công chứng, Văn phòng công chứng) hoặc chứng thực tại UBND cấp xã. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản về quyền sử dụng đất do tổ chức hành nghề công chứng, UBND cấp xã thực hiện (quy định tại Luật công chứng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch). Tuy nhiên, công chứng viên thực hiện công chứng về nội dung và chịu trách nhiệm về văn bản công chứng do mình thực hiện, còn người thực hiện chứng thực chỉ chứng thực về hình thức; nội dung của hợp đồng, giao dịch do người yêu cầu chứng thực tự chịu trách nhiệm. Bộ Tư pháp đã chỉ đạo các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân khi thực hiện các hợp đồng, giao dịch thì cần xem xét kỹ việc lựa chọn công chứng hoặc chứng thực để bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch của mình, nhất là khi có tranh chấp xảy ra.

4. Cử tri thành phố Đà Nẵng phản ánh: Hiện nay các đối tượng đảm nhận chức danh tư pháp như: Công chứng viên, Chấp hành viên, Thẩm tra viên... đều được hưởng phụ cấp nghề, phụ cấp thâm niên; trong khi đó, Đấu giá viên cũng là chức danh tư pháp, trách nhiệm cũng hết sức nặng nề nhưng chưa có chế độ phụ cấp nêu trên. Cử tri đề nghị Chính phủ quan tâm có chế độ phụ cấp nghề, phụ cấp thâm niên cho đối tượng đảm nhận chức danh tư pháp Đấu giá viên.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Thực hiện chủ trương xã hội hóa trong hoạt động bán đấu giá tài sản, Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/03/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản đã

quy định Sở Tư pháp có nhiệm vụ xây dựng Đề án chuyển đổi Trung tâm dịch vụ bán đấu giá sang mô hình doanh nghiệp đối với các tỉnh, thành phố có từ 02 doanh nghiệp đấu giá trở lên, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt. Chủ trương tiếp tục xã hội hóa hoạt động bán đấu giá tài sản cũng được cụ thể hóa trong Dự án Luật đấu giá tài sản, theo đó, các Trung tâm dịch vụ bán đấu giá sẽ được dần chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp theo lộ trình phù hợp. Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị này của cử tri thành phố Đà Nẵng, trong quá trình xây dựng Dự án Luật sẽ nghiên cứu có những giải pháp và đề xuất hợp lý để giải quyết thỏa đáng quyền lợi của Đấu giá viên làm việc tại các Trung tâm dịch vụ bán đấu giá khi tiến hành chuyển đổi nói chung và vấn đề phụ cấp nghề, thâm niên đối với đội ngũ Đấu giá viên nói riêng, đảm bảo phù hợp với chủ trương xã hội hóa hoạt động bán đấu giá và thực tiễn hoạt động đấu giá tại địa phương.

5. Kiến nghị của cử tri các tỉnh Tiền Giang, Bạc Liêu:

a) **Cử tri tỉnh Tiền Giang** phản ánh: Hiện nay, người dân vay vốn để sản xuất nông nghiệp với số tiền từ 50 triệu trở lên tại các ngân hàng phải thế chấp bản sao Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất có công chứng, nhưng thủ tục công chứng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất còn rườm rà, nhiều thủ tục gây khó khăn cho người dân. Cử tri đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, sửa đổi quy định công chứng theo hướng giảm bớt thủ tục nhằm tạo điều kiện thuận lợi để người dân thực hiện thủ tục công chứng vay vốn phục vụ sản xuất nông nghiệp.

b) **Cử tri tỉnh Bạc Liêu** phản ánh: Thủ tục cho vay vốn của các ngân hàng thương mại với hình thức thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) đối với hộ gia đình, quy định như hiện nay (*đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình*) bắt buộc tất cả thành viên trong hộ gia đình phải cùng ký tên trước mặt công chứng viên thì mới cho vay vốn, quy định như vậy gây khó khăn đối với người vay vốn; vì thực tế có những trường hợp do hoàn cảnh các thành viên trong hộ gia đình phải đi làm ăn, sinh sống ở địa phương khác nên không có mặt đầy đủ để hoàn tất thủ tục. Đề nghị cần nghiên cứu, xem xét các thủ tục để người dân thuận tiện trong việc vay vốn đầu tư cho sản xuất cũng như tiêu dùng.

Bộ Tư pháp có ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri như sau:

Thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch nói chung và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nói riêng đã được quy định tại Luật công chứng năm 2014 và các luật liên quan như Bộ luật dân sự, Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong quá trình xây dựng Luật Công chứng, các thủ tục hành chính đã được rà soát để đơn giản hóa theo tinh thần cải cách thủ tục hành chính nhưng vẫn phải đảm bảo chặt chẽ về mặt pháp lý, theo đó người yêu cầu công chứng chỉ cần nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (không yêu cầu nộp bản

sao có chứng thực) khi công chứng hợp đồng, giao dịch. Liên quan đến việc chứng thực bản sao từ bản chính, trước đây pháp luật quy định chỉ có UBND cấp huyện, cấp xã mới có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính dẫn đến tình trạng quá tải, người dân phải chờ đợi lâu, đôi khi phải đi lại nhiều lần. Để khắc phục tình trạng này và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, Luật công chứng năm 2014 (Điều 77) đã quy định công chứng viên cũng có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính (bên cạnh UBND cấp huyện, cấp xã).

Riêng về thế chấp quyền sử dụng đất, đây là giao dịch liên quan đến tài sản có giá trị lớn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, dễ bị lợi dụng, do đó, pháp luật có quy định chặt chẽ để đảm bảo an toàn pháp lý cho giao dịch này và cho những người có quyền và nghĩa vụ có liên quan. Bộ luật dân sự, Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có những quy định về định đoạt tài sản chung của hộ gia đình, việc ký kết hợp đồng, giao dịch về quyền sử dụng đất của hộ gia đình. Theo đó, khi thế chấp quyền sử dụng đất của hộ gia đình thì phải được các thành viên hộ gia đình có quyền sử dụng đất đồng ý. Công chứng viên khi thực hiện công chứng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của hộ gia đình thì ngoài việc căn cứ vào Luật công chứng, còn phải căn cứ vào quy định nêu trên của Bộ luật dân sự và Luật đất đai. Theo quy định của Luật công chứng, người yêu cầu công chứng phải ký trước mặt công chứng viên; trường hợp có thành viên của hộ gia đình không thể cùng đến tổ chức hành nghề công chứng để thực hiện việc ký hợp đồng thế chấp thì thành viên đó có thể ủy quyền cho thành viên khác thay mình ký hợp đồng tại tổ chức hành nghề công chứng. Về nguyên tắc thì việc ủy quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, song khoản 2 Điều 55 Luật công chứng cũng đã quy định: “Trong trường hợp bên ủy quyền và bên được ủy quyền không thể cùng đến một tổ chức hành nghề công chứng thì bên ủy quyền yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng nơi họ cư trú công chứng hợp đồng ủy quyền; bên được ủy quyền yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng nơi họ cư trú công chứng tiếp vào bản gốc hợp đồng ủy quyền này, hoàn tất thủ tục công chứng hợp đồng ủy quyền”. Thông tư số 06/2015/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng cũng đã có mẫu lời chứng của công chứng viên đối với hợp đồng ủy quyền trong trường hợp bên ủy quyền và bên được ủy quyền không thể cùng đến một tổ chức hành nghề công chứng (Mẫu TP-CC-20.2a).

Hiện nay, Bộ Tư pháp vẫn đang tiếp tục rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong lĩnh vực công chứng, trong đó có thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch. Đồng thời tăng cường hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức hành nghề công chứng trong việc thực hiện các quy định pháp luật nêu trên.

6. Cử tri tỉnh Hải Dương: Đề nghị Chính phủ có sự thống nhất trong chủ trương xã hội hóa các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp theo hướng việc gì các tổ chức

khác đủ khả năng làm thì nhà nước chỉ đóng vai trò quản lý, đồng thời có cơ chế bảo đảm cho hoạt động xã hội hóa được thực hiện ổn định, giảm tải công việc cho chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp xã, tránh giao quá nhiều việc cho cấp xã trong điều kiện số lượng công chức tư pháp hộ tịch cấp xã vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về trình độ chuyên môn.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Xã hội hóa một số hoạt động hỗ trợ tư pháp là chủ trương của Đảng được xác định trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị. Thực hiện chủ trương này, thời gian qua Bộ Tư pháp đã có nhiều cố gắng trong việc đề xuất với Chính phủ, Quốc hội ban hành các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp thuộc chức năng quản lý của ngành theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa. Chẳng hạn như trong lĩnh vực công chứng, Quốc hội đã ban hành Luật công chứng số 82/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/6/2014, Chính phủ đã ban hành các Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng..., theo hướng đẩy mạnh việc phát triển các Văn phòng công chứng; chuyển đổi Phòng công chứng do Nhà nước thành lập thành Văn phòng công chứng; giao thêm nhiệm vụ chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản trước đây thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng cùng thực hiện; quy định công chứng viên được công chứng bản dịch bên cạnh việc chứng thực chữ ký người dịch của Phòng Tư pháp; chuyển giao việc chứng thực hợp đồng, giao dịch do UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện sang các tổ chức hành nghề công chứng để bảo đảm tính chuyên nghiệp bởi đây là hoạt động hỗ trợ tư pháp, mặt khác giảm gánh nặng cho UBND cấp huyện, cấp xã, tạo điều kiện để các cơ quan này thực hiện tốt chức năng quản lý hành chính nhà nước. Đến nay, việc xã hội hóa hoạt động công chứng đã đạt được kết quả quan trọng, được cá nhân, tổ chức đón nhận. Cùng với việc đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động công chứng, Bộ Tư pháp cũng đang triển khai xã hội hóa một số hoạt động hỗ trợ tư pháp khác như giám định tư pháp, đấu giá tài sản và thí điểm chế định thừa phát lại. Trong quá trình thực hiện, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tham mưu, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền (Quốc hội, Chính phủ...) có chỉ đạo thống nhất trong việc thực hiện chủ trương xã hội hóa như cử tri đã đề nghị.

7. Cử tri tỉnh Hải Dương cho rằng công tác quản lý hoạt động của luật sư đang buông lỏng, cần có những quy định rõ ràng để đảm bảo kỷ cương và trật tự.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Có thể khẳng định công tác quản lý luật sư và hành nghề luật sư trong thời gian qua không ngừng được quan tâm, chú trọng, đặc biệt là về các mặt sau đây:

- Một là, về thể chế về luật sư và hành nghề luật sư: Hiện nay, thể chế về luật sư và hành nghề luật sư cơ bản đã được hoàn thiện với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật chặt chẽ, thống nhất gồm 01 Luật, 01 Nghị định và 06 Thông tư hướng dẫn thi hành, bảo đảm nguyên tắc quản lý luật sư và hành nghề luật sư được thực hiện trên cơ sở *“kết hợp quản lý nhà nước với chế độ tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư”*², nhà nước đóng vai trò *“thống nhất quản lý luật sư và hành nghề luật sư”*³. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã ban hành các Nghị định quy định về hoạt động thanh tra chuyên ngành, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực luật sư³.

- Hai là, về công tác quản lý luật sư và hành nghề luật sư trên thực tế:

+ Công tác quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư được quan tâm, chú trọng thông qua việc đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo luật sư, cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư, hướng dẫn nghiệp vụ địa phương, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thanh, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm vi phạm, bảo đảm trật tự kỷ cương của hoạt động luật sư.

+ Công tác tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư tiếp tục được nâng cao. Kể từ khi thành lập đến nay, Liên đoàn luật sư Việt Nam đã thành lập các Ủy ban, đơn vị trực thuộc, ban hành 19 quy chế nội bộ để triển khai nhiệm vụ tự quản theo quy định của pháp luật. Công tác chuẩn bị, tổ chức Đại hội nhiệm kỳ của các Đoàn luật sư và Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc lần thứ II của Liên đoàn luật sư Việt Nam được quan tâm, theo dõi, chỉ đạo và hỗ trợ sát sao. Liên đoàn luật sư và Đoàn luật sư đã từng bước phát huy vai trò trong việc giám sát, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, tuân theo Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư và Điều lệ Liên đoàn luật sư, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan quản lý nhà nước khác ở địa phương thực hiện việc quản lý luật sư và hành nghề luật sư... Trong nhiệm kỳ 2009-2014, Liên đoàn đã nhận được 443 đơn thư có nội dung khiếu nại, tố cáo liên quan đến luật sư, các Đoàn luật sư đã xử lý kỷ luật 94 trường hợp, trong đó kỷ luật xóa tên khỏi danh sách luật sư đối với 21 trường hợp do vi phạm Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư.

Tuy nhiên, có lúc, có nơi tại một số địa phương còn xảy ra hiện tượng hoạt động quản lý luật sư chưa chặt chẽ (chưa giám sát sát sao việc tuân thủ pháp luật, Quy tắc đạo đức, ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam, chậm xử lý vi phạm...). Năng lực, vai trò của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư còn

² Điều 6 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật luật sư.

³ Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 29/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Tư pháp; Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

hạn chế trong điều kiện nhiều nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được chuyển giao cho các tổ chức này thực hiện theo quy định của Luật luật sư. Việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và kỷ luật hành nghề của luật sư vẫn chưa trở thành ý thức tự giác đối với mỗi cá nhân luật sư. Một bộ phận luật sư còn chưa tuân thủ nghiêm pháp luật, thậm chí có trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó, nhận thức của người dân, xã hội và các cơ quan tiến hành tố tụng về vai trò, vị trí của luật sư còn chưa đầy đủ, điều này cũng ảnh hưởng nhất định đến vai trò giám sát chung của xã hội đối với hoạt động luật sư.

Trên cơ sở đó, trong thời gian tới, công tác quản lý luật sư và hành nghề luật sư sẽ tiếp tục được Bộ Tư pháp và các cấp chính quyền địa phương quan tâm, tăng cường với việc triển khai đồng bộ các công việc sau: tiếp tục đổi mới, kiện toàn, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ tư pháp, bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm đối với tổ chức, hoạt động luật sư; củng cố, kiện toàn cơ cấu, tổ chức các tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư nhằm phát huy vai trò tự quản của Liên đoàn luật sư Việt Nam, các Đoàn luật sư trong việc quản lý luật sư và hành nghề luật sư; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, tuân theo Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư; nâng cao nhận thức của xã hội đối với vai trò, vị trí của luật sư; phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư; tăng cường công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư và tổ chức hành nghề luật sư...

8. Cử tri tỉnh TP Hồ Chí Minh kiến nghị về hoạt động bán đấu giá tài sản:

- Sớm xây dựng, trình Quốc hội ban hành Luật đấu giá tài sản nhằm hoàn thiện khung pháp lý về bán đấu giá tài sản, trong đó cần quan tâm, mở rộng phạm vi điều chỉnh bán đấu giá tài sản theo hướng quy định rõ về cơ chế đảm bảo quyền lợi của các bên tham gia hoạt động đấu giá, đặc biệt là đối với tài sản thi hành án, tài sản bảo đảm, cơ chế xác định giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá, quy định về tổ chức xã hội nghề nghiệp của đấu giá viên, công tác quản lý nhà nước trong hoạt động đấu giá, đặc biệt là hoạt động của các doanh nghiệp bán đấu giá, đấu giá viên, quy định tiêu chuẩn thành lập các tổ chức, doanh nghiệp bán đấu giá, quy định về các biện pháp chế tài cụ thể đối với những vi phạm trong hoạt động bán đấu giá tài sản nhằm đảm bảo tính răn đe.

- Rà soát những chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản quy phạm pháp luật về bán đấu giá tài sản để sửa đổi, bổ sung cho thống nhất, đồng bộ.

- Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP về bán đấu giá tài sản và văn bản hướng dẫn quy định chưa rõ ràng, cụ thể và thiếu tính khả thi trong thực tế, nhằm kịp thời hướng dẫn tháo gỡ các khó khăn,

vướng mắc phát sinh trong hoạt động bán đấu giá tại địa phương. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trong hoạt động quản lý doanh nghiệp sau khi đăng ký thành lập, đặc biệt là cơ chế trao đổi, phối hợp giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý nhà nước.

- Có giải pháp đổi mới cơ chế quản lý nhà nước về bán đấu giá tài sản nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý chuyên ngành đối với hoạt động này, như đổi mới mô hình giám sát doanh nghiệp theo hướng phát huy vai trò xã hội và của các chủ thể khác nhằm hỗ trợ Nhà nước trong quản lý, giám sát doanh nghiệp (thành lập tổ chức xã hội nghề nghiệp của đấu giá viên). Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước bằng việc ứng dụng triệt để công nghệ thông tin, nâng cao năng lực và kiện toàn tổ chức thanh tra chuyên ngành, tăng cường bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn của cán bộ quản lý nhà nước về bán đấu giá tài sản ở địa phương.

- Có giải pháp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn, xây dựng quy tắc đạo đức nghề đấu giá nhằm nâng cao trách nhiệm, đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ đấu giá viên. Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hợp tác quốc tế về bán đấu giá tài sản. Nghiên cứu, xây dựng các hệ tiêu chí nhằm đánh giá, khen thưởng và biểu dương các cá nhân, tổ chức nghiên cứu, chấp hành các quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản và có thành tích, đóng góp trong hoạt động bán đấu giá tài sản.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

a) Đối với nội dung kiến nghị về việc ban hành Luật đấu giá tài sản; điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP; đổi mới cơ chế quản lý nhà nước về bán đấu giá tài sản:

- Thực hiện Nghị quyết số 70/2014/QH13 ngày 30/5/2014 của Quốc hội về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII năm 2014 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2015 và theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng dự án Luật đấu giá tài sản. Ngày 28/7/2015, Chính phủ đã thảo luận và nhất trí trình dự án Luật đấu giá tài sản để Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi trình Quốc hội với mục tiêu xây dựng Luật đấu giá tài sản nhằm tạo cơ sở pháp lý ổn định, thống nhất, lâu dài theo hướng chuyên nghiệp hóa, xã hội hóa mạnh mẽ hoạt động đấu giá tài sản, nâng cao chất lượng đội ngũ đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản và chất lượng hoạt động đấu giá tài sản; thúc đẩy dịch vụ đấu giá tài sản phát triển trong hệ thống các ngành, lĩnh vực, dịch vụ theo cơ chế thị trường; tăng cường cơ chế bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia đấu giá; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đấu giá tài sản. Đối với vấn

đề về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của đấu giá viên, trên cơ sở quan điểm tổ chức xã hội - nghề nghiệp của đấu giá viên do các đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản tự nguyện tham gia, thành lập để đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, do đó, việc thành lập tổ chức này được thực hiện theo quy định của pháp luật về hội. Theo Chương trình, dự án Luật đấu giá tài sản sẽ được Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII (tháng 10/2015).

Để xây dựng Luật, Bộ Tư pháp đã tiến hành rà soát các văn bản pháp luật hiện hành về đấu giá tài sản. Qua rà soát, Bộ Tư pháp thấy rằng các loại tài sản bắt buộc bán đấu giá rất đa dạng và được điều chỉnh bởi nhiều văn bản chuyên ngành, quy định về chủ thể bán đấu giá và trình tự, thủ tục bán đấu giá cho từng loại tài sản còn chưa thống nhất. Do vậy, trong quá trình dự thảo Luật đấu giá tài sản Bộ Tư pháp đã xây dựng theo hướng quy định trình tự, thủ tục đấu giá tài sản chung, thống nhất cho các loại tài sản nhằm tránh sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình áp dụng pháp luật.

Bên cạnh đó, đề rà soát những khó khăn, vướng mắc của các địa phương trong hoạt động bán đấu giá, Bộ Tư pháp đã đề nghị các địa phương sơ kết 04 năm thi hành Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản. Trên cơ sở các ý kiến đề xuất của địa phương, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu, tiếp thu để xử lý trong quá trình xây dựng Luật đấu giá tài sản. Ngoài ra, để giải quyết khó khăn của hầu hết các địa phương do cơ chế trao đổi, phối hợp giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý nước trong lĩnh vực đấu giá tài sản gây ra, dự thảo Luật đã quy định theo hướng doanh nghiệp đấu giá tài sản muốn hành nghề đấu giá tài sản phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp nhằm thống nhất quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản.

- Để đổi mới cơ chế quản lý nhà nước về bán đấu giá tài sản nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý chuyên ngành đối với hoạt động này, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu xây dựng Đề án thành lập thí điểm Hội đấu giá địa phương. Hội đấu giá địa phương được thành lập nhằm bước đầu xây dựng cơ chế hoạt động tự quản của đấu giá viên tại địa phương; tạo cơ chế thống nhất bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đấu giá viên, tổ chức bán đấu giá tại địa phương; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc xây dựng chính sách, định hướng phát triển nghề đấu giá, quản lý tổ chức và hoạt động đấu giá, đảm bảo môi trường hoạt động đấu giá lành mạnh, nghề đấu giá phát triển ổn định và bền vững theo hướng xã hội hóa.

Ngoài ra, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước bằng việc ứng dụng triệt để công nghệ thông tin, dự thảo Luật đấu giá tài sản đã có quy định giao Bộ Tư pháp xây dựng trang thông tin chuyên ngành về đấu giá tài sản.

Về thanh tra chuyên ngành đối với công tác đấu giá tài sản, theo quy định của Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 29/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Tư pháp, Cục Bảo trợ tư pháp thuộc Bộ tư pháp là đơn vị có chức năng quản lý nhà nước đối với lĩnh vực đấu giá tài sản cũng đã được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành. Qua đó, hoạt động thanh tra chuyên ngành đối với lĩnh vực đấu giá sẽ được thực hiện thường xuyên và hiệu quả hơn.

b) Đối với nội dung kiến nghị về việc tăng cường bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn của cán bộ quản lý nhà nước về bán đấu giá tài sản ở địa phương; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn, xây dựng quy tắc đạo đức nghề đấu giá:

Triển khai thực hiện Đề án “Phát triển và tăng cường năng lực đội ngũ đấu giá viên giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020”, trong năm 2013-2014, Bộ Tư pháp đã tổ chức 03 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng cần thiết trong hoạt động bán đấu giá tài sản được tại tỉnh Ninh Bình và thành phố Hà Nội cho đội ngũ đấu giá viên và các cán bộ làm công tác quản lý về bảo trợ tư pháp tại các địa phương. Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của cử tri thành phố Hồ Chí Minh, trong thời gian tới, trên cơ sở sơ, tổng kết thực hiện Đề án nêu trên, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục xây dựng các kế hoạch để tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng cho đội ngũ đấu giá viên. Ngoài ra, hiện nay Bộ Tư pháp cũng đang chỉ đạo xây dựng Quy tắc đạo đức hành nghề của đấu giá viên nhằm nâng cao trách nhiệm, đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ đấu giá viên.

VI. Kiến nghị về công tác thi hành án dân sự

1. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bình Định: Đề nghị quan tâm chỉ đạo Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục bồi thường Nhà nước tăng cường hướng dẫn Cục Thi hành dân sự tỉnh, Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn hoàn thành các thủ tục về bồi thường để giải quyết dứt điểm vụ khiếu nại của bà Đặng Thị Thông, trú tại tổ 28, khu vực 5, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định về việc xử lý hệ quả thi hành án trái pháp luật theo nội dung trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bình Định tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Ngày 20/4/2015, Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn đã mời bà Đặng Thị Thông đến trụ sở cơ quan để tiến hành thương lượng, theo đó bà Đặng Thị Thông đồng ý nhận số tiền bồi thường là 655.466.500 đồng. Ngày 21/4/2015, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn đã ban hành Quyết định số 170/QĐ-CCTHADS về việc giải quyết bồi thường đối với bà

Thông, có tờ trình và hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp cấp kinh phí giải quyết yêu cầu bồi thường. Ngày 22/5/2015, Bộ Tư pháp đã ban hành Công văn số 1730/BTP-KHITC đề nghị Bộ Tài chính xem xét, cấp kinh phí bồi thường thiệt hại cho bà Thông theo quy định. Ngày 22/6/2015, Bộ Tài chính có Công văn số 8343/BTC-HCSN nhất trí với đề nghị của Bộ Tư pháp. Ngày 22/7/2015, Bộ Tư pháp đã có Quyết định số 515/QĐ-TCTHADS về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, trong đó có nội dung để bồi thường thiệt hại trong thi hành án dân sự vụ việc tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Ngay sau khi được giao bổ sung dự toán ngân sách, Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn đã mời bà Thông lên nhận tiền bồi thường, tuy nhiên Bà Thông có đề nghị không nhận tiền mà nhận đất. Hiện tại Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn, đang chờ văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về mức giá đất để có cơ sở tiếp tục hoàn thiện việc bồi thường cho bà Thông.

2. Kiến nghị của cử tri các tỉnh Tiền Giang, Đắk Lắk, Lào Cai, Sơn La:

a) **Cử tri các tỉnh Đắk Lắk, Lào Cai, Sơn La** phản ánh: Hiện nay nhiều dự án luật đã được ban hành trong đó có Luật Thi hành án dân sự nhưng chưa được triển khai áp dụng. Cử tri đề nghị Chính phủ ban hành Nghị định và chỉ đạo các bộ, ngành liên quan ban hành hướng dẫn để các địa phương triển khai thực hiện, tránh tình trạng luật khung và đảm bảo công tác quản lý nhà nước tại địa phương được thuận lợi.

b) **Cử tri tỉnh Tiền Giang:** Đề nghị Chính phủ sớm ban hành các văn bản hướng dẫn cần thiết để tổ chức triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự nhằm tạo thuận lợi cho các địa phương trong tổ chức thực hiện, nhất là quy định chặt chẽ trong việc thi hành, cưỡng chế, xử lý những trường hợp cố tình không thi hành án; đồng thời, răn đe các đối tượng có hành vi chây ỳ trong thi hành án. Vì thời gian qua nhiều vụ việc Tòa án đã tuyên án, bản án đã có hiệu lực nhưng không thi hành án được.

Bộ Tư pháp có ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri như sau:

Sau khi Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 55/QĐ-TTg ngày 15/01/2015 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; ban hành Kế hoạch của Bộ Tư pháp triển

khai thi hành Luật⁴ và có văn bản quán triệt các đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch đã ban hành.

Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, đến nay, Bộ Tư pháp đã hoàn thành một số nhiệm vụ quan trọng: (i) Tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc quán triệt triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; (ii) In và xuất bản Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; (iii) Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự⁵; (iv) ban hành theo thẩm quyền 02 Thông tư⁶; (v) có văn bản hướng dẫn các cơ quan thi hành án dân sự địa phương thực hiện chuyển tiếp Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự. Đặc biệt, Bộ Tư pháp đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự trong đó, một số nội dung được quy định chặt chẽ trong việc thi hành, cưỡng chế, xử lý các trường hợp cố tình không thi hành án như việc yêu cầu người phải thi hành án phải kê khai thông tin về điều kiện thi hành án, quy định đăng tải công khai thông tin điều kiện thi hành án của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành; quy định rõ hơn về kê biên tài sản thi hành án... Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2015.

Cùng với việc xây dựng các văn bản quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp cũng đã chú trọng hơn đối với việc sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến công tác thi hành án dân sự trong các bộ luật, luật quan trọng khác như Bộ luật dân sự (sửa đổi), Bộ luật hình sự (sửa đổi), Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi), Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi), Luật Tố tụng hành chính, Luật đấu giá tài sản... nhằm bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của các quy định, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp cũng đang hoàn chỉnh dự thảo Thông tư liên tịch hướng dẫn việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với các khoản thu, nộp ngân sách nhà nước, Thông tư liên tịch thay thế Thông tư số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 của Bộ Tư pháp, TANDTC, VKSNDTC hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự; Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 24/2011/TTLT-BTP-BQP hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi

⁴ Quyết định số 332/QĐ-BTP ngày 14/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

⁵ Đã có báo cáo Thủ tướng Chính phủ số 184/BC-BTP ngày 6/7/2015.

⁶ Thông tư số 08/2015/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP và Thông tư số 09/2015/TT-BTP thay thế Thông tư số 17/2010/TT-BTP.

hành án dân sự và Đề án “Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành” để ban hành trong thời gian tới.

VII. Kiến nghị về công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật

1. Kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Ninh: Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012 quy định thẩm quyền xử phạt hành chính cho các lực lượng chức năng, tuy nhiên lại quy định việc tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt theo thẩm quyền tại các Điều từ 38 đến Điều 49. Quy định này gây khó khăn cho các cơ quan, đơn vị chức năng trực tiếp kiểm tra, bắt giữ và xử lý vi phạm. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm trình Quốc hội xem xét, sửa đổi theo hướng không giới hạn thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Qua theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp thấy rằng, thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được quy định giới hạn theo thẩm quyền phạt tiền (từ Điều 38 đến Điều 51 Luật XLVPHC) làm phát sinh nhiều vụ việc vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt của cơ quan cấp dưới bị dồn lên cơ quan cấp trên giải quyết, không bảo đảm tính kịp thời, nhanh chóng trong việc xử phạt. Vì vậy, nhiều Bộ, ngành, địa phương kiến nghị bỏ quy định về thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị giới hạn theo thẩm quyền phạt tiền. Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của cử tri để báo cáo Chính phủ xem xét trong quá trình đề xuất sửa đổi Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Kiến nghị của cử tri tỉnh Tây Ninh: Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định nội dung ghi trong biên bản vi phạm hành chính còn bất cập, thực tế chưa đảm bảo tính khả thi gây lúng túng cho người có thẩm quyền lập biên bản và gây khó khăn cho người vi phạm khi phải xử lý, đề nghị xem xét, sửa đổi cho phù hợp. Cụ thể: tại Khoản 2 Điều 58 quy định về lập biên bản vi phạm hành chính: “Biên bản vi phạm hành chính phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm; biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý; tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ; lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ; quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của người vi phạm hoặc đại diện của tổ chức vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình.

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến”.

Với những nội dung như trên, thì còn hai nội dung quan trọng của biên bản còn thiếu gây khó khăn cho công tác xử lý, đó là:

- + Chưa có nội dung về thời gian kể từ lúc lập biên bản vi phạm hành chính, để hẹn người vi phạm đến gặp người có thẩm quyền xử lý vụ việc vi phạm;

- + Chưa có nội dung về địa điểm của cơ quan xử lý (nơi có thẩm quyền xử lý) để người vi phạm đến nhận quyết định.

Từ quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 dẫn đến các văn bản dưới luật khi ban hành mẫu biên bản vi phạm hành chính không có hai nội dung như đã nêu trên, đó là:

- + Mẫu biên bản số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

- + Mẫu TND 14 tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2013/TT-BGTVT ngày 15/10/2013 của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Qua theo dõi việc triển khai thi hành Luật xử lý VPHC và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, Bộ Tư pháp thấy rằng, những kiến nghị nêu trên của cử tri là rất xác đáng. Bộ Tư pháp xin ghi nhận các kiến nghị này và sẽ tổng hợp để báo cáo Chính phủ, kiến nghị sửa đổi Luật, các nghị định và thông tư có liên quan.

3. Kiến nghị của cử tri các tỉnh Tiền Giang, Tây Ninh và Kiên Giang:

a) Cử tri tỉnh Tiền Giang: Đề nghị Chính phủ sớm có biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Luật XLVPHC và các văn bản có liên quan khi áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy, nhằm tạo thuận lợi cho các địa phương trong tổ chức thực hiện, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trong thời gian tới, nhất là đối với việc xử lý con nghiện đang được quản lý, cai nghiện tại cộng đồng và địa bàn dân cư.

b) Cử tri tỉnh Tây Ninh: Đề nghị Chính phủ nghiên cứu, đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật XLVPHC về “áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người nghiện ma túy” theo hướng “áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với

người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy” chứ không nên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người nghiện ma túy như luật hiện hành. Đồng thời, kiến nghị các bộ, ngành rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan đến công tác cai nghiện ma túy nhằm đơn giản thủ tục, rút ngắn thời gian lập hồ sơ đưa đi cai nghiện.

c) Cử tri tỉnh Kiên Giang: Khoản 1 Điều 29 Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 quy định người nghiện ma túy từ đủ 12 đến 18 tuổi đã được giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đã cai nghiện tại gia đình, cộng đồng mà vẫn còn nghiện thì được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và không được coi đó là biện pháp xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, Luật XLVPHC không đề cập đến đối tượng từ 12 đến dưới 18 tuổi, do đó người nghiện dưới 18 tuổi vẫn do Chủ tịch UBND cấp huyện, xã ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, từ đó làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đối tượng này. Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung cho thống nhất.

Bộ Tư pháp có ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri như sau:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2298/TTg-KGVX ngày 14/11/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 77/2014/QH13 của Quốc hội và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam tại Công văn số 10435/VPCP-KGVX ngày 26/12/2014 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành rà soát các quy định pháp luật liên quan đến công tác cai nghiện ma túy nhằm rút ngắn thời gian, đơn giản hóa thủ tục lập hồ sơ đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đặc biệt là đối với người nghiện không có nơi cư trú ổn định để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Ngày 31/8/2015, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 3172/BTP-QLXLVPHC&TDTTHPL về việc thực hiện Công văn số 2298/TTg-KGVX ngày 14/11/2014 trong đó có đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác cai nghiện, đồng thời xây dựng Kế hoạch thực hiện.

Bên cạnh đó, các Bộ: Y tế, Công an, Lao động - Thương binh và Xã hội cũng đã ban hành Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BCA ngày 09/7/2015 quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục và quy trình xác định tình trạng nghiện. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 23/8/2015 sẽ góp phần tháo gỡ được khó khăn, vướng mắc lớn nhất trong quá trình triển khai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (vấn đề xác định tình trạng nghiện).

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục theo dõi, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc để đề xuất các giải pháp tháo gỡ. Đối với những vấn đề cụ thể mà cử tri quan tâm, Bộ Tư pháp xin thông tin thêm với cử tri như sau:

- Đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Tây Ninh về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người nghiện ma túy theo hướng “áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy”, không nên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người nghiện ma túy như Luật hiện hành, Bộ Tư pháp thấy rằng, nếu quy định đối tượng chỉ sử dụng trái phép chất ma túy đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì việc quy định biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc sẽ không còn ý nghĩa, vì phải xác định đối tượng bị nghiện ma túy thì mới có cơ sở đưa họ vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Kiên Giang về vấn đề người nghiện ma túy là người chưa thành niên từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc dành riêng cho người chưa thành niên theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy: Sau khi Luật XLVPHC được ban hành, trong đó có các quy định khác với quy định của Luật Phòng, chống ma túy, đặc biệt là nội dung quy định về thẩm quyền và quy trình, thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, quy định về việc quản lý sau cai nghiện ma túy (ví dụ như: thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của Luật XLVPHC thuộc về TAND cấp huyện chứ không thuộc Chủ tịch UBND cấp huyện như quy định của Luật Phòng, chống ma túy; Luật XLVPHC không quy định biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy như Luật Phòng, chống ma túy...) nên các địa phương hiện nay đang có sự áp dụng không thống nhất, có địa phương vẫn áp dụng, có địa phương tạm dừng không áp dụng quy định của Luật Phòng, chống ma túy.

Để tháo gỡ vướng mắc này, tại Công văn số 3172/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL về việc thực hiện Công văn số 2298/TTg-KGVX và Công văn số 10435/VPCP-KGVX nêu trên, Bộ Tư pháp đã có báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để xem xét, đề nghị Quốc hội có ý kiến chính thức về hiệu lực cũng như việc tiếp tục áp dụng hay không tiếp tục áp dụng các quy định liên quan đến việc cai nghiện ma túy trong Luật Phòng, chống ma túy và các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật này, do các văn bản này chưa bị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ sau khi Luật XLVPHC được ban hành và có hiệu lực.

4. Cử tri tỉnh Yên Bái kiến nghị: Đề nghị Chính phủ nghiên cứu xem xét, có chế tài xử phạt đủ mạnh để xử lý các vi phạm trong lĩnh vực hôn nhân gia đình ở vùng cao như: tảo hôn, sinh con thứ 3, hôn nhân cận huyết thống.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

- Đối các hành vi vi phạm liên quan đến tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tại các vùng cao: Hiện nay, việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hôn nhân gia đình như: tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống được quy định tại Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Cụ thể là: (i) Xử phạt từ 500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn (Điều 47 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP); (ii) Xử phạt từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi kết hôn giữa những người có họ trong phạm vi ba đời (điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP). Mức xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi nói trên tại Nghị định số 110/2013/NĐ-CP đều đã được điều chỉnh tăng gấp nhiều lần so với mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm tương ứng được quy định tại Nghị định số 87/2001/NĐ-CP ngày 21/11/2001 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình (Điều 6 và điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 87/2001/NĐ-CP). Đặc biệt, so với điều kiện kinh tế - xã hội, mức thu nhập của người dân vùng cao thì mức xử phạt này cũng là tương đối cao. Hơn nữa, Bộ Tư pháp thấy rằng, việc nâng chế tài xử phạt vi phạm hành chính không phải là biện pháp giải quyết tối ưu và duy nhất đối các hành vi vi phạm liên quan đến tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tại các vùng cao. Thực trạng này xuất phát từ sự thiếu hiểu biết của người dân về pháp luật, về y tế cũng như những hủ tục, quan niệm lạc hậu của những người dân nơi đây. Vì vậy, để có thể giảm bớt tình trạng này, Bộ Tư pháp và các địa phương đang đẩy mạnh và đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm thay đổi nhận thức của người dân tại những vùng cao để họ hiểu rõ đây là những hành vi vi phạm pháp luật cũng như hiểu rõ những tác hại về sức khỏe, sự suy giảm giống nòi (cả về số lượng lẫn chất lượng) của việc tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

- Về tình trạng sinh con thứ ba tại các vùng cao: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật XLVIHC, việc quy định hành vi vi phạm hành chính phải bảo đảm một trong những yêu cầu, đó là “Có vi phạm các quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm, điều cấm của pháp luật về trật tự quản lý hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước”. Theo quy định tại Điều 1 của Pháp lệnh số 08/2008/PL-UBTVQH12 ngày 27/12/2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh dân số năm 2003, một trong những “quyền và nghĩa vụ của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong việc thực hiện cuộc vận động dân số và kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh

sản” là “sinh một hoặc hai con, trừ trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định”. Do Pháp lệnh số 08/2008/PL-UBTVQH12 không quy định cụ thể nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân liên quan đến hành vi sinh con thứ ba nên Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế (trong đó có vi phạm hành chính về dân số) cũng không đề cập đến việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sinh con thứ ba.

5. Cử tri tỉnh Kiên Giang kiến nghị: Đề nghị Chính phủ có quy định cụ thể đối với quy định tại khoản 6, Điều 90 của Luật XLVPHC và khoản 3, Điều 13, Nghị định 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 quy định về áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên (không có nơi cư trú ổn định), vì hiện nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể nên Công an các địa phương gặp rất nhiều khó khăn trong việc áp dụng biện pháp đưa các đối tượng vào các cơ sở để giáo dục.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Qua theo dõi công tác thi hành pháp luật về XLVPHC, Bộ Tư pháp thấy rằng, việc triển khai quy định của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (khoản 3 Điều 13 và Điều 32) về việc tiếp nhận, quản lý, giáo dục và trợ giúp đối tượng (người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định và không xác định được nơi cư trú) bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em hiện còn một số khó khăn, vướng mắc trong việc tiếp nhận, quản lý đối tượng người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định và không xác định được nơi cư trú bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; vấn đề tổ chức, kinh phí cho các cơ sở này...).

Để giải quyết những vấn đề nêu trên, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang xây dựng Thông tư hướng dẫn thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, giáo dục và trợ giúp người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn tại các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em. Bộ Tư pháp đã tham gia ý kiến với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đối với dự thảo Thông tư này.

6. Cử tri tỉnh Phú Thọ phản ánh: Theo Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định đối tượng nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên có nơi cư trú ổn định thì áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Trong quá trình triển khai thực hiện đã gặp khó khăn trong việc quản lý, giáo dục đối với các đối tượng nghiện ma túy sống ở vùng sâu, vùng xa, địa bàn rộng. Thêm vào đó, một số đối tượng khi chuyển về địa phương lại không chú tâm cai nghiện mà có hành vi lôi kéo, dụ dỗ các thanh niên khác phạm tội gây mất an ninh, trật tự trên địa bàn. Nhằm quản lý các đối tượng cai nghiện bắt

buộc, đồng thời không ảnh hưởng đến an ninh trật tự ở địa phương, đề nghị ngành chức năng xem xét lại quy định này.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 90 Luật XLVPHC, một trong những đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là “người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên có nơi cư trú ổn định”; quy định trên của Luật đã được quy định chi tiết tại điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP. Qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong thời gian qua, Bộ Tư pháp nhận thấy quy định trên có khó khăn cho một số địa phương trong quá trình triển khai thực hiện như cử tri đã phản ánh. Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của cử tri và đang tiếp tục theo dõi, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trong đó có nội dung như cử tri kiến nghị, để báo cáo Chính phủ xem xét, sửa đổi theo thẩm quyền hoặc xem xét, kiến nghị với Quốc hội sửa đổi quy định trong Luật này.

7. Cử tri tỉnh Đắk Lắk kiến nghị: Luật XLVPHC đã có hiệu lực, tuy nhiên, quy định chế độ thống kê về xử lý vi phạm hành chính vẫn chưa được hướng dẫn, chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của UBND cấp tỉnh cũng như của Sở Tư pháp (trách nhiệm của Sở Tư pháp mới chỉ được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 23/2014/TT-BTP-BNV ở mức độ ghi nhận “Sở Tư pháp thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý ở địa phương”. Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp sớm có hướng dẫn cụ thể đối với vấn đề này.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong việc thu thập các thông tin thống kê về xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp đang nghiên cứu xây dựng Thông tư quy định về thống kê trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính để tạo thuận lợi trong triển khai thực hiện. Dự kiến Thông tư sẽ được ban hành trong năm 2016.

VIII. Kiến nghị về công tác bồi thường Nhà nước

1. Kiến nghị của cử tri các tỉnh Kiên Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Ninh Thuận:

a) Cử tri tỉnh Kiên Giang kiến nghị:

- Cần rà soát, nghiên cứu và bổ sung đối tượng, phạm vi bồi thường; hoàn thiện quy định cụ thể trong hợp tác quốc tế đối với hoạt động trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Ngoài ba lĩnh vực: Quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án, cần mở rộng hơn, nhất là những trường hợp trong thực tiễn xảy ra nhiều hoặc

trường hợp cơ quan nhà nước ký hợp đồng gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân hoặc ban hành văn bản pháp luật sai trái gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân.

- Căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường cần phải có đủ hai điều kiện là văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ và chứng minh có thiệt hại thực tế xảy ra. Đề nghị cần sửa đổi, bổ sung theo hướng có thể dùng các văn bản hoặc tài liệu, chứng cứ khác để so sánh, cùng cố nhằm chứng minh việc sai trái của người thi hành công vụ trong cơ quan có thẩm quyền gây thiệt hại mà không nhất thiết phải chờ văn bản xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Đề nghị bổ sung Điều 27 về các trường hợp không được bồi thường thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự, cụ thể quy định thêm trường hợp có căn cứ xác định là vô tội nhưng tại cùng một thời điểm người đó bị Tòa án có thẩm quyền tuyên là có tội đối với tội danh khác.

- Đề nghị bổ sung Điều 52 về khôi phục danh dự cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự theo hướng quy định cụ thể hơn thủ tục khôi phục danh dự, uy tín, đặc biệt là vấn đề khôi phục lại chức vụ cho người bị thiệt hại cần được xác định rõ. Điều 51 của Luật chỉ quy định về việc khôi phục danh dự cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự nhưng chưa quy định vấn đề khôi phục lại chức vụ và các quyền lợi hợp pháp khác của người bị thiệt hại. Do đó, cần thiết phải nghiên cứu bổ sung nội dung này để đảm bảo khắc phục những thiệt hại mà người bị oan, sai phải gánh chịu.

- Đề nghị sửa đổi Điều 64 là “Cá nhân, tổ chức giám định” và bỏ khoản 1 của Điều luật này, vì khái niệm “Cá nhân, tổ chức giám định” đã được nêu rất rõ trong Luật Giám định tư pháp.

b) Cử tri tỉnh Thái Nguyên kiến nghị: Đề nghị nghiên cứu, xem xét sửa Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước theo hướng giao cho một cơ quan quản lý nhà nước thực hiện công tác bồi thường để tập trung vào một đầu mối, không để phân tán như hiện nay là có quá nhiều cơ quan phải chịu trách nhiệm và không nên để các cơ quan nhà nước có cán bộ, công chức làm trái pháp luật đứng ra chịu trách nhiệm giải quyết việc bồi thường vì như vậy sẽ không khách quan, dễ lạm dụng, gây chậm trễ thời gian, gượng ép thương lượng trong quá trình giải quyết vụ việc.

c) Cử tri tỉnh Phú Thọ kiến nghị: Đề nghị có những quy định về chế tài cụ thể đối với hành vi cố tình kéo dài hoặc trách né việc thực hiện trách nhiệm bồi thường Nhà nước để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của tổ chức, cá nhân bị thiệt hại.

d) Cử tri tỉnh Ninh Thuận kiến nghị: Hiện nay, các quy định về bồi thường cho người bị oan còn nhiều bất cập. Đề nghị xem xét, nghiên cứu quy

định lại về thủ tục, trình tự giải quyết bồi thường thiệt hại sao cho rõ ràng, thuận tiện nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và giảm thiểu những tổn thất của người bị oan.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Bồi thường nhà nước là một trong những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước trong việc bảo đảm và phát huy hơn nữa quyền công dân, quyền con người phù hợp với tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Với tinh thần đó, thể chế hóa chủ trương của Đảng, Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Đây là lần đầu tiên trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được quy định một cách toàn diện, đầy đủ nhất ở tầm Luật, với những mục tiêu rất quan trọng, đó là bảo đảm tốt hơn quyền được bồi thường của người dân, nâng cao ý thức trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, đồng thời bảo đảm sự ổn định trong hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước. Qua 5 năm triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác này cũng đã xuất hiện nhiều hạn chế, bất cập mà một trong những nguyên nhân chính xuất phát từ một số quy định không còn phù hợp của Luật như cử tri đã phản ánh.

Trên cơ sở Hiến pháp năm 2013 với nhiều quy định đề cao quyền con người, quyền công dân, các bộ luật, luật như Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự ... vốn được xem là luật gốc hoặc có liên quan mật thiết đến công tác bồi thường nhà nước cũng đang được sửa đổi. Để phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của các luật khác trong hệ thống pháp luật hiện hành, Bộ Tư pháp đã đề xuất và được Quốc hội chấp thuận đưa dự án Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016. Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các bộ, ngành và địa phương có liên quan tổng hợp, nghiên cứu kỹ các kiến nghị của cử tri để đề xuất với Chính phủ, Quốc hội trong quá trình tổng kết, xây dựng dự án Luật Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước (sửa đổi).

2. Cử tri thành phố Đà Nẵng phản ánh: Theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước thì “Người thi hành công vụ có lỗi gây ra thiệt hại có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân sách nhà nước một khoản tiền mà Nhà nước đã bồi thường cho người bị thiệt hại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền”. Tuy nhiên, thực tế thời gian qua hầu hết các trường hợp cá nhân, tổ chức bị thiệt hại đã được chi trả bồi thường từ nguồn tiền của ngân sách của nhà nước; nhưng nghĩa vụ hoàn trả cho ngân sách nhà nước thì chưa được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định về trách nhiệm hoàn trả. Trong khi đó, số tiền từ ngân sách nhà nước bỏ ra để bồi thường hàng năm là rất lớn. Vấn đề này đã gây bức xúc

trong nhân dân và đi ngược lại với mục đích của Luật là phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả và xử lý trách nhiệm của người thi hành công vụ.

Cử tri đề nghị cho biết từ khi thực hiện Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước đến nay đã có bao nhiêu vụ việc phải bồi thường? Số tiền phải bồi thường? Bao nhiêu vụ việc đã được bồi hoàn và số tiền đã bồi hoàn? Số tiền còn lại phải bồi hoàn và hướng xử lý thời gian tới như thế nào để nhân dân, cử tri cả nước biết theo dõi, giám sát.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Từ thời điểm Luật TNBTCNN có hiệu lực (01/01/2010) đến nay, việc giải quyết bồi thường và thực hiện việc xem xét trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ được thực hiện như sau:

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/9/2012, đã giải quyết được 122/165 vụ việc bồi thường (đạt tỷ lệ 74%), với tổng số tiền chi trả là 15.945.673.056 đồng; có 4 vụ việc đã thực hiện việc xem xét trách nhiệm hoàn trả đối với cán bộ, công chức⁷.

Từ ngày 01/10/2012 đến 30/9/2013, đã giải quyết xong 37/82 vụ việc bồi thường (đạt tỷ lệ 45%), với số tiền Nhà nước phải bồi thường là 15.687.581.000 đồng; có 08 vụ việc đã thực hiện xem xét trách nhiệm hoàn trả đối với cán bộ, công chức (trong lĩnh vực quản lý hành chính và thi hành án), với tổng số tiền là 233.756.000 đồng⁸.

Từ ngày 01/10/2013 đến 30/9/2014, đã giải quyết xong 53/94 vụ việc bồi thường, đạt tỷ lệ 56,3%, với số tiền là 4.622.534.000 đồng; có 08 vụ việc đã thực hiện xem xét trách nhiệm hoàn trả đối với cán bộ, công chức, với tổng số tiền là 507.134.000 đồng⁹.

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, đã giải quyết xong 30/69 vụ việc bồi thường (đạt tỷ lệ 43,4%); có 02 vụ việc đã thực hiện việc xem xét trách nhiệm hoàn trả đối với cán bộ, công chức, với tổng số tiền là 75.663.200 đồng¹⁰.

Như vậy, trong hơn 5 năm thi hành Luật, số lượng các vụ việc mà người thi hành phải hoàn trả là còn rất hạn chế, số tiền hoàn trả thu hồi về cho ngân sách nhà nước là chưa nhiều. Nguyên nhân của tình trạng trên là: *Thứ nhất*, về mặt thể chế, hiện nay, quy định của Luật TNBTCNN và các văn bản hướng dẫn thi hành về trách nhiệm hoàn trả còn chưa có sự thống nhất giữa các lĩnh vực tổ tụng hình sự với các lĩnh vực còn lại, theo đó, người thi hành công vụ trong lĩnh vực tổ tụng hình sự chỉ phải hoàn trả nếu có lỗi cố ý, trong khi đó, ở các lĩnh vực

⁷ Báo cáo số 300/BC-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ về công tác bồi thường của Nhà nước năm 2012.

⁸ Báo cáo số 413/BC-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ về công tác bồi thường nhà nước năm 2013.

⁹ Báo cáo số 431/BC-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về công tác bồi thường của Nhà nước năm 2014.

¹⁰ Báo cáo số 54/BC-BTNN ngày 15/06/2015 của Cục Bồi thường nhà nước về kết quả công tác bồi thường nhà nước 6 tháng đầu năm 2015 nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2015.

khác thì người thi hành công vụ phải hoàn trả nếu có lỗi vô ý hoặc cố ý; *Thứ hai*, theo quy định của Luật TNBTCNN, việc hoàn trả có thể được thực hiện một lần hoặc nhiều lần, trong đó, đa số các vụ việc là thực hiện bằng việc trừ dần vào lương hàng tháng. Chính vì vậy, đến nay trong các vụ việc hoàn trả, có những vụ việc mà trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ vẫn đang được thực hiện nhưng chưa thực hiện xong; *Thứ ba*, việc thực hiện trách nhiệm hoàn trả của một số cơ quan nhà nước có trách nhiệm bồi thường còn chưa nghiêm.

Để khắc phục tình trạng trên, trong thời gian tới Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan tập trung thực hiện một số giải pháp sau: *Thứ nhất*, về mặt thể chế, hiện nay, Luật TNBTCNN đã được đưa vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2016 (hình thức là Luật sửa đổi), Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát các quy định còn hạn chế của Luật TNBTCNN về trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ để kiến nghị trong quá trình sửa đổi; *Thứ hai*, đối với các vụ việc hoàn trả đang được thực hiện theo phương thức trừ dần vào lương hàng tháng, các cơ quan nhà nước sẽ tiếp tục thực hiện việc khấu trừ để bảo đảm thu hồi đủ số tiền hoàn trả mà người thi hành công vụ phải thực hiện do có hành vi gây thiệt hại làm phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; *Thứ ba*, thực hiện sát sao việc theo dõi thực hiện trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ, bảo đảm cho việc xem xét trách nhiệm hoàn trả được thực hiện nghiêm trên thực tế.

3. Cử tri tỉnh Trà Vinh kiến nghị: Tăng cường xử lý nghiêm trách nhiệm bồi thường và truy cứu trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân sai phạm gây thất thoát, lãng phí... của Nhà nước và Nhân dân.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan có liên quan đã có nhiều cố gắng trong việc hoàn thiện thể chế nhằm tăng cường hiệu quả đối với việc xử lý hành vi vi phạm pháp luật gây thất thoát, lãng phí tài sản của nhà nước, nhân dân và xem xét trách nhiệm bồi thường của người có hành vi phạm, cụ thể:

- *Luật Xử lý vi phạm hành chính* và các văn bản hướng dẫn thi hành¹¹ đã quy định khá cụ thể việc xử lý vi phạm trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đặc biệt, Nghị định số 58/2015/NĐ-CP ngày 16/6/2015 của Chính phủ đã quy định tăng mức xử phạt đối với một số hành vi và bổ sung thêm một số hành vi, như: vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng phương tiện thông tin liên lạc, sử dụng điện, nước, xăng, dầu, sách báo, văn phòng phẩm; tổ chức hội nghị, hội thảo, chi phí tiếp khách, đi công tác trong và ngoài nước bằng kinh phí ngân sách nhà nước;

¹¹ Nghị định số 192/2013/NĐ-CP quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, dự trữ quốc gia, kho bạc nhà nước; Nghị định số 58/2015/NĐ-CP ngày 16/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 192/2013/NĐ-CP

mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước cấp; vi phạm quy định của pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong khai thác, sử dụng tài nguyên.

- *Bộ luật hình sự* quy định các tội xâm phạm sở hữu tại Chương XIV, trong đó có một số điều luật quy định nhằm xử lý đối với các hành vi phạm tội liên quan đến việc gây thất thoát, lãng phí, như tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 143), tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước (Điều 144), tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 145). Bên cạnh đó, Bộ luật hình sự quy định một mục riêng (Mục A) về các tội phạm tham nhũng tại Chương XXI - Các tội phạm về chức vụ, trong đó đã quy định nhiều điều luật nhằm xử lý đối với hành vi gây thất thoát, lãng phí do người có chức vụ quyền hạn thực hiện, đó là các tội tham ô tài sản.

- *Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009* đã quy định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ và để đảm bảo quy định của Luật áp dụng trên thực tế, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC hướng dẫn thực hiện trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ.

Trong thời gian tới, cùng với việc tiếp tục hoàn thiện các quy định có liên quan đến việc xử lý hành vi vi phạm gây thất thoát, lãng phí và bồi thường của người có hành vi phạm trong các văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành cần chủ động, tích cực trong công tác phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn kịp thời, có hiệu quả các hành vi tiêu cực, gây thất thoát lãng phí, trong đó cần tập trung vào một số các giải pháp như: (1) Tăng cường tuyên truyền pháp luật về thực hành tiết kiệm và phòng, chống lãng phí; (2) Tăng cường công tác quản lý cán bộ, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động công vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ có kỹ năng nghề nghiệp, có kiến thức thực tiễn, có phẩm chất đạo đức trong sạch, kiên quyết chống tiêu cực, lãng phí; (3) Tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước để tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức và nhân dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, tố giác vi phạm pháp luật và các hành vi tiêu cực của cán bộ. (4) Xét xử nghiêm minh những vụ việc gây lãng phí, thất thoát tài sản của nhà nước, nhân dân.

IX. Kiến nghị về công tác tổ chức cán bộ

1. Cử tri thành phố Đà Nẵng kiến nghị: Để công tác tư pháp ngày càng nâng cao và đáp ứng các đòi hỏi, yêu cầu của xã hội thì nhất thiết phải xây dựng một đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp mang tính chuyên nghiệp, có tính kế

thừa và ổn định; hạn chế thấp nhất tình trạng luân chuyển, chuyển chuyển cán bộ từ các ngành khác sang cũng như giữa các địa bàn. Mặt khác, cần quan tâm hơn nữa đến công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và nhất là có chế độ chính sách để khuyến khích cán bộ, công chức công tác trong lĩnh vực này.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Trong thời gian qua, với nhận thức công tác tổ chức cán bộ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, là yếu tố quyết định thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Bộ, Ngành Tư pháp, Bộ Tư pháp đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm kiện toàn và nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ tư pháp, đạt được nhiều kết quả tích cực. Đến nay, đội ngũ cán bộ Tư pháp đã có bước trưởng thành, đa số đáp ứng được yêu cầu công việc. Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao của công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cải cách pháp luật, cải cách tư pháp, cải cách hành chính và hội nhập quốc tế, đội ngũ cán bộ tư pháp còn bất cập, nhất là ở địa phương thì việc tiếp tục đẩy mạnh kiện toàn tổ chức bộ máy là yêu cầu cấp thiết.

Để tiếp tục đẩy mạnh việc kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực cán bộ, công chức, viên chức ngang tầm với nhiệm vụ được giao, trong thời gian tới, bên cạnh việc thực hiện một số giải pháp như cử tri đã kiến nghị, Bộ Tư pháp sẽ tập trung thực hiện một số giải pháp sau đây: (1) Tập trung đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức trong toàn Ngành, trong năm 2015 phải hoàn thành việc xây dựng Đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị của Bộ, Ngành Tư pháp để tạo cơ sở cho việc đề xuất các cơ quan có thẩm quyền quyết định việc kiện toàn tổ chức cán bộ các cơ quan tư pháp, pháp chế; (2) Tăng cường quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao kỷ luật, kỷ cương công vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, sáng tạo ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ. Quy định cụ thể về tiêu chuẩn, nhiệm vụ của các vị trí lãnh đạo quản lý và các chức danh chuyên môn, nghề nghiệp. Thực hiện đổi mới công tác đánh giá công chức, viên chức trong đó lưu ý đến trách nhiệm, đạo đức công vụ và đề cao vai trò, trách nhiệm của tổ chức Đảng, tập thể và người đứng đầu trong việc đánh giá công chức, viên chức. Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp. (3) Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức ngành Tư pháp; chú trọng triển khai quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức trẻ có trình độ chuyên môn sâu theo Quy hoạch đã được phê duyệt; tập trung cao cho việc thực hiện các Đề án Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về Trường Đại học Luật Hà Nội và Học viện Tư pháp; đổi mới mạnh mẽ chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo cơ bản gắn với đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu cuộc sống và quy định mới của Luật Hộ tịch.

Đối với công tác luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, đây là một trong những nội dung của công tác cán bộ và cần thiết giúp cho cán bộ phát huy được năng lực, sức sáng tạo, tránh xa rời thực tiễn cũng như phòng ngừa các tiêu cực, vi phạm có thể xảy ra. Tuy nhiên, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác cũng cần bảo đảm được tính kế thừa, ổn định trong công tác cán bộ, bảo đảm cán bộ được luân chuyển, chuyển đổi được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Thời gian qua, công tác luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ của Bộ, Ngành Tư pháp đã thực hiện có hiệu quả. Trong thời gian tới, Bộ sẽ tiếp tục thực hiện việc luân chuyển cán bộ; quan tâm đến việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức trong Bộ và giữa Bộ với các cơ quan tư pháp địa phương bảo đảm đúng quy định của pháp luật, gắn với mục tiêu, yêu cầu xây dựng đội ngũ công chức, viên chức của Ngành Tư pháp trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Cử tri thành phố Cần Thơ kiến nghị: Đề nghị xem xét, sửa đổi Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế, đề phù hợp với thực tiễn.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Ngày 04/7/2011, Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế (Nghị định số 55/2011/NĐ-CP). Sau hơn 04 năm triển khai thi hành Nghị định, công tác pháp chế ở các Bộ, ngành, địa phương đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận: công tác pháp chế từng bước đi vào nền nếp; tổ chức pháp chế được thành lập, củng cố và kiện toàn một bước; chất lượng nguồn nhân lực làm công tác pháp chế đã được nâng lên, góp phần quan trọng trong việc tăng cường pháp chế XHCN và bảo vệ lợi ích của Bộ, ngành, địa phương.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác pháp chế còn có một số khó khăn, vướng mắc và hạn chế nhất định. Kết quả kiểm tra, khảo sát cũng như tổng hợp phản ánh, kiến nghị của nhiều Bộ, ngành, địa phương cho thấy, việc triển khai công tác pháp chế theo quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP có một số hạn chế, bất cập chủ yếu sau đây:

- Về tiêu chuẩn của người làm công tác pháp chế: theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, thì người làm công tác pháp chế phải có trình độ cử nhân luật trở lên; người đứng đầu tổ chức pháp chế phải có trình độ cử nhân luật và có ít nhất 05 năm trực tiếp làm công tác pháp luật. Tuy nhiên, quy định này là khó thực hiện và không phù hợp với thực tế ở nước ta hiện nay, nhất là ở các địa phương.

- Về nhiệm vụ của tổ chức pháp chế: từ khi Nghị định số 55/2011/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực đến nay, nhiều luật, pháp lệnh, nghị định mới

được ban hành, trong đó có giao thêm một số nhiệm vụ cho các tổ chức pháp chế, chẳng hạn như: Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 59/2012/ND-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ quy định về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Nghị định số 48/2013/ND-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh... Trong khi đó, Nghị định số 55/2011/ND-CP chưa kịp thời cập nhật đầy đủ, điều này gây khó khăn, lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ của tổ chức pháp chế ở Bộ, ngành, địa phương.

- Về tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh: theo quy định của Nghị định số 55/2011/ND-CP thì quy định “cứng” là thành lập 14 Phòng Pháp chế ở các Sở. Tuy nhiên, việc thực hiện gặp rất nhiều khó khăn, còn hình thức, chưa đi vào thực chất. Nhiều địa phương chưa quyết liệt trong việc triển khai thực hiện, một số địa phương chưa thành lập được Phòng Pháp chế nào tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, có nơi mặc dù Phòng Pháp chế đã được thành lập nhưng chỉ bố trí được 01 người làm công tác pháp chế. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này, song nguyên nhân trực tiếp và quan trọng nhất là khó khăn về biên chế... Liên quan đến vấn đề này, thời gian qua, Bộ Tư pháp nhận được phản ánh, kiến nghị của một số Bộ, ngành, địa phương về những vướng mắc, bất cập trong việc áp dụng văn bản pháp luật đối với việc thành lập Phòng Pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (giữa Nghị định số 55/2011/ND-CP với các Thông tư, Thông tư liên tịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh). Điều này đã gây khó khăn cho UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quá trình triển khai thực hiện.

Trước tình nêu trên, Bộ Tư pháp đã báo cáo Chính phủ và hiện nay, Bộ Tư pháp đang phối hợp với Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương chuẩn bị việc sơ kết tình hình thực hiện Nghị định số 55/2011/ND-CP, đồng thời, đã lấy ý kiến đối với dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 55/2011/ND-CP. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi Nghị định số 55/2011/ND-CP cho phù hợp với thực tiễn.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp trả lời 63 kiến nghị của cử tri tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XIII (62 kiến nghị do Ban Dân nguyện - Ủy ban thường vụ Quốc hội chuyển; 01 kiến nghị do Văn phòng Chính phủ chuyển) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, xin kính gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Dân nguyện - Ủy ban thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, trả lời cử tri. *KTR*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTGCP Nguyễn Xuân Phúc (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các đơn vị thuộc Bộ (để theo dõi, thực hiện);
- Các Sở Tư pháp, Cục THADS (nơi có kiến nghị);
- Công TTTĐT (đăng trang Hướng dẫn nghiệp vụ);
- Lưu: VT, VP(TH).

BỘ TRƯỞNG



Hà Hồng Cường

